

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-ST

Ngày: 12-9-2022.

“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên toà: Ông Lê Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Thi Thị Thanh Trúc.

2/ Bà Trần Thị Sang.

Thư ký phiên toà: Bà Châu Thị Phượng Liên - Thư Ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Thòn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXX-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp RG, xã LH, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1980 (có mặt);

Anh Phạm Văn V, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp RG, xã LH, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quý có lời trình và yêu cầu: Ngày 18/5/2020 chị G vợ anh V có nợ của chị số tiền 284.310.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 0,83%/tháng. Vợ chồng chị G hứa sẽ trả cho chị mỗi năm bằng 50.000.000 đồng tiền gốc và đóng đủ lãi mỗi tháng. Nhưng đến nay vợ chồng chị G vẫn chưa trả cho chị. Lúc cho vay, chị có cho chị G làm biên nhận và ký tên. Nay chị yêu

cầu chị G và anh V phải trả cho cho số tiền gốc là 284.310.000 đồng và tiền lãi là 49.500.000 đồng.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị G thừa nhận chị có thiếu tiền chị Q nhưng chỉ thiếu có 264.000.000 đồng chứ không phải 284.000.000 đồng như chị Q trình bày. Chị G và chồng là anh Phạm Văn V chỉ đồng ý trả cho chị Q số tiền gốc là 284.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi như chị Q yêu cầu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ kiện nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị G, anh V phải trả cho chị Q số tiền nợ ký nhận là 284.310.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/5/2020 cho đến ngày 12/9/2022 với mức lãi suất 0,83%/tháng. Bị đơn có mặt tại phiên tòa đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ vốn là 284.310.000 đồng; đối với phần lãi không đồng do không có khả năng trả.

Bị đơn không yêu cầu phản tố và các đương sự không bổ sung chứng cứ mới tại phiên tòa. Sau khi hỏi đáp và tranh luận, các đương sự có mặt đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Chị G đồng ý trả cho chị Q số tiền nợ hụi là 284.310.000 đồng, đồng ý trả một phần lãi của số tiền 284.310.000 đồng với số tiền lãi là 30.000.000 đồng. Chị Q đồng ý theo sự thỏa thuận của chị G.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, hòa giải, tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghe các đương sự trình bày, tranh luận tại phiên tòa, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được làm rõ tại phiên tòa; vị Kiểm sát viên Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, 39, 147, 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hụi, biếu, phụng; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q. Công nhân sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị G. Buộc chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Văn V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Q tổng số tiền hụi còn nợ lại vốn và lãi là 310.310.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện chị Q cho rằng vào ngày 18/5/2020 chị G, anh V có nợ chị số tiền 284.310.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 0,83%/tháng, chị G hứa sẽ trả cho chị mỗi năm bằng 50.000.000 đồng tiền gốc và đóng đủ lãi mỗi tháng. Nhưng đến nay vợ chồng chị G vẫn chưa trả. Tuy nhiên trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Q và chị G đều thừa nhận đây là số tiền chị G chơi hụi do chị Q làm đầu thảo, chị G nợ nhiều dây hụi, đến ngày 18/5/2020 chị Q tính thành tiền là 284.310.000 đồng, không phải là khoản tiền chị Q cho chị G vay như đơn khởi kiện nên quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại khoản 3 điều 26; căn cứ điểm a khoản 1 điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã đưa bị đơn chị Nguyễn Thị G, anh Phạm Văn V tham gia tố tụng; thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định tại Điều 68, Điều 70, Điều 196, Điều 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Phạm Văn V vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh V theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua lời trình bày của các bên đương. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị G thừa nhận có nợ chị Q số tiền hụi các loại tính đến ngày 18/5/2020 với số tiền 284.310.000 đồng, đồng ý trả số tiền vốn gốc cho chị Q với số tiền 284.310.000 đồng, đồng ý trả một phần tiền lãi cho chị Q với số tiền 30.000.000 đồng; tổng cộng vốn và lãi là 314.310.000 đồng. Chị Q đồng ý nhận lại số tiền vốn và lãi với số tiền 314.310.000 đồng.

Xét thấy việc chị Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị G thỏa thuận tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Nhưng do anh Phạm Văn V vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận để giải quyết vụ án mà chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị Q, công nhận sự tự nguyện của chị G và buộc chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Văn V phải trả cho chị Q số tiền vốn 284.310.000 đồng và phần lãi phát sinh tính đến ngày 12/9/2022 bằng 30.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị G, anh V có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, 39, 92, 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; áp

dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q;

Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị G; buộc chị Nguyễn Thị G, anh Phạm Văn V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Q tổng số tiền còn nợ vốn và lãi là 314.310.000 đồng; trong đó vốn gốc là 284.310.000 đồng, lãi là 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị G, anh Phạm Văn V có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.715.500 đồng.

Chị Nguyễn Thị Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.347.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011122 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 174 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hùng